

Bản án số: 252/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/12/2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tường Thị Thu.

Bà Trần Thị Sáu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hạng Thị S, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị S và anh D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2025, nội dung bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hạng Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hạng Thị S và anh Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện và về chung sống với nhau từ năm 2020, chị và anh D không được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, cho đến ngày 14/3/2023 thì chị S và anh D mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi về

chung sống và kết hôn vợ chồng chị S và anh D chung sống tại thôn BH, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2024 thì chị S và anh D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị S cho rằng là do anh D thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà và thường hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần chị S đã mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng lớn không thể khắc phục được chị S và anh D đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh D không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 07/8/2021. Ly hôn chị S nhất trí giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn D nêu quan điểm:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Hạng Thị S được tự do tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2023 anh D và chị S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi chung sống và kết hôn anh D và chị S chung sống cùng nhau tại thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị S đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh thỉnh thoảng mới về thăm con, ít quan tâm đến gia đình và chồng con chỉ liên lạc qua điện thoại cho gia đình, anh D và chị S đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị S xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tạo điều kiện có thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con, trong trường hợp chị S cương quyết ly hôn thì anh D cũng nhất trí ly hôn với chị S.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 07/8/2021 nếu phải ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hạng Thị S và bị đơn anh Nguyễn Văn D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hạng Thị S, cho chị Hạng Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 07/8/2021 cho anh Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hạng Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, chị S có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không đề cập xem xét.

Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con cho chị Hạng Thị S. Anh Nguyễn Văn D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Hạng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

đối với anh Nguyễn Văn D; anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hạng Thị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt) giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hạng Thị S và anh Nguyễn Văn D là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn chị S và anh D chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh D tại thôn BH, xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị S cho rằng là do anh D thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà, thường hay ghen tuông vô cớ. Theo quan điểm của anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D và chị S bất đồng quan điểm sống, chị S đi làm công nhân xa nhà, ít quan tâm đến gia đình. Mặc dù có sự mâu thuẫn giữa anh D và chị S về xác định nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chị S, anh D đều xác định hôn nhân đã không còn tồn tại từ đầu năm 2025 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh D là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh D thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị Hạng Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị Hạng Thị S và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 07/8/2021. Sau khi ly hôn chị S nhất trí giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng; anh D có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu D1 và yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Nguyễn Mỹ D1 cho anh Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Chị Hạng Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Chị S có quyền và nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hạng Thị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hạng Thị S. Anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hạng Thị S, cho chị Hạng Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 14/3/2023 của UBND xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - Nay là UBND xã KĐ, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 07/8/2021 cho anh Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hạng Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hạng Thị S.

Anh Nguyễn Văn D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 -Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã KĐ (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh